

Bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam ở nước ngoài

Phạm Hồng Nhật¹

¹ Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: phnhhat3524@gmail.com

Nhận ngày 21 tháng 5 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 17 tháng 12 năm 2020.

Tóm tắt: Bảo hộ công dân là nghĩa vụ của nhà nước đối với công dân mang quốc tịch của mình. Đây là mối quan hệ chính trị - pháp lý mang tính nền tảng trong mỗi quốc gia, thể hiện trong các quyền và nghĩa vụ được quy định tạo thành địa vị pháp lý của cá nhân và được xác định thông qua dấu hiệu quốc tịch của mỗi cá nhân công dân đó. Bài viết trình bày cơ sở pháp lý trong nước và quốc tế về bảo hộ công dân, từ đó phân tích thực trạng và đưa ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài (trong đó tập trung vào từng nhóm đặc thù là: người lao động Việt Nam tại nước ngoài, ngư dân Việt Nam, công dân Việt Nam khi gặp tình trạng khủng hoảng).

Từ khóa: Bảo hộ, công dân Việt Nam ở nước ngoài, quyền và lợi ích.

Phân loại ngành: Luật học

Abstract: Citizen protection is the State's obligation towards its nationals. This is a fundamental political - legal relationship in each country, reflected in the stipulated rights and obligations that form the legal status of the individual, and is determined through the mark of the country's citizenship that he/she holds. The article presents the domestic and international legal bases for the protection of citizens, thereby analysing the current situation and offering a number of solutions to improve the law and enhance the effectiveness of the enforcement of the protection of Vietnamese citizens abroad (focusing on specific groups, namely Vietnamese guest workers, Vietnamese fishermen, and Vietnamese citizens in crisis situations).

Keywords: Protection, Vietnamese citizens abroad, interests.

Subject classification: Jurisprudence

1. Đặt vấn đề

Bảo hộ công dân ở nước ngoài, theo cách hiểu chung nhất, là tất cả các hoạt động mà quốc gia tiến hành để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân công dân nước mình khi ở nước ngoài. Bảo hộ công dân được đặt ra trong những trường hợp: (i) khi quyền và lợi ích của cá nhân công dân bị quốc gia nơi họ đang hiện diện bị xâm phạm; và (ii) khi cá nhân công dân cần và yêu cầu được trợ giúp kể cả khi không bị xâm phạm quyền tại quốc gia nơi họ đang hiện diện. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang ngày càng gia tăng hiện nay, không chỉ các quốc gia mà từng người dân trên thế giới đều bị tác động sâu sắc. Do đó, trước tình hình an ninh kinh tế, chính trị diễn biến phức tạp trên cả khía cạnh an ninh truyền thống và phi truyền thống thì vai trò của mỗi quốc gia trong việc bảo vệ công dân nước mình là rất quan trọng. Ở Việt Nam trong những năm qua, công tác bảo hộ công dân luôn được thực hiện theo phương châm: “Bảo hộ chủ động, kịp thời, nhanh chóng, hiệu quả”. Từ khi Quỹ bảo hộ công dân chính thức hoạt động năm 2007 đến nay, công tác bảo hộ công dân đã có những bước phát triển đột phá với nội dung, chất lượng cao.

Trong xu thế mở cửa hội nhập, công dân Việt Nam ra nước ngoài ngày càng gia tăng về số lượng và thành phần, như: du học sinh, thực tập sinh, lao động, tham quan, du lịch, hội chợ, triển lãm, buôn bán, đầu tư, kết hôn với người nước ngoài, xuất cảnh định cư, hội nghị, hội thảo khu vực, quốc tế... Trong đó, tại nhiều nước, số lượng người Việt tăng nhanh như: ở Hàn Quốc, Đài Loan có hàng trăm nghìn phụ nữ Việt Nam kết hôn với công dân sở tại; còn tại Úc, hiện có hàng chục nghìn du học sinh.

Ngoài ra, theo thống kê của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có khoảng 500.000 lao động Việt Nam đi làm việc theo nhiều hình thức ở hơn 40 nước và vùng lãnh thổ như: Malaysia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Ả Rập Xê-út, Lào, Mông Cổ, Síp, Macao, Angola, Trung Quốc... Nhìn chung, lao động Việt Nam được chủ sử dụng lao động đánh giá cao vì cần cù, chịu khó và học hỏi nhanh. Tuy nhiên, người lao động Việt Nam còn nhiều hạn chế và kém cạnh tranh so với lao động ở một số nước khác như: Philippines, Indonesia, Thái Lan, Ấn Độ... do thể lực yếu hơn, khả năng ngoại ngữ kém, sức chịu đựng kém khi làm việc tại môi trường khắc nghiệt, nhiều người thiếu ý thức tôn trọng luật pháp và phong tục tập quán nước sở tại. Một vấn đề nổi cộm hiện nay đó là do số lượng lao động bất hợp pháp tăng nhanh nên tình hình tội phạm và vi phạm luật pháp sở tại như cướp bóc, ăn trộm, ăn cắp, trộm cắp, lừa đảo, mại dâm cũng gia tăng tại một số nước đông lao động bất hợp pháp như Malaysia, Hàn Quốc, Nga, Qatar... Người Việt Nam ở nước ngoài gia tăng và đa dạng về thành phần đã đặt ra những vấn đề khó khăn, phức tạp cho công tác bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Việc bảo hộ đối với người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cá nhân hoặc những người tự ý bỏ hợp đồng, ở lại nước ngoài làm việc trái phép, những người bị lừa đảo xuất khẩu lao động sống lang thang ở nước ngoài, phụ nữ bị lừa bán ra nước ngoài làm gái mại dâm, đang là vấn đề nan giải đối với công tác này. Do họ không đăng ký công dân với cơ quan đại diện, không ai quản lý, nên khi có tai nạn, rủi ro... xảy ra với những đối tượng này, chưa thể khẳng định ngay họ có phải là công dân Việt Nam hay không để tiến hành bảo hộ, giúp đỡ. Để có thể giúp đỡ, bảo hộ cho họ,

cơ quan đại diện cần có một thời gian nhất định để tiến hành xác minh kể từ khi nhận được thông tin. Ngoài ra, phải tìm nguồn tài chính để chi phí và mua vé máy bay đưa họ về nước vì nguồn chi của Quỹ bảo hộ công dân chủ yếu là trên nguyên tắc tạm ứng hoặc có bảo lãnh, đặt cọc [21]. Bài viết này bàn về bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam ở nước ngoài.

2. Cơ sở pháp lý về bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam ở nước ngoài

Dưới góc độ luật quốc tế, ngoài Hiến chương Liên hợp quốc, các quy định về bảo hộ công dân được quy định rõ trong Công ước Viên năm 1961 về quan hệ ngoại giao và Công ước Viên năm 1963 về quan hệ lãnh sự. Đây là hai công ước quan trọng nhất, không chỉ trong lĩnh vực ngoại giao, lãnh sự mà còn trong cả lĩnh vực bảo hộ công dân. Ngoài ra, các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên cũng ghi nhận vấn đề này, như: Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị 1966 và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa 1966... Các hiệp định song phương hỗ trợ tư pháp về dân sự, hình sự mà Việt Nam ký kết với các nước cũng quy định về một số vấn đề liên quan... Đây là những cơ sở pháp lý quốc tế quan trọng cho hoạt động bảo hộ công dân của Việt Nam [7, tr.153-154].

Ở Việt Nam, bảo đảm quyền lợi của công dân cả ở trong và ngoài nước được xác định là một nhiệm vụ quan trọng, luôn được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Chính vì vậy, những quy định về bảo hộ công dân được ghi nhận trong Hiến pháp cũng như các văn bản pháp luật khác có

liên quan. Khoản 3 Điều 17 Hiến pháp Việt Nam năm 2013 quy định: Công dân Việt Nam ở nước ngoài được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo hộ. Cụ thể hoá quy định này, Điều 6, Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) quy định: Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo hộ quyền lợi chính đáng của công dân Việt Nam ở nước ngoài. Các cơ quan nhà nước ở trong nước, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm thi hành mọi biện pháp cần thiết, phù hợp với pháp luật của nước sở tại, pháp luật và tập quán quốc tế để thực hiện sự bảo hộ đó. Ngoài các cơ quan có thẩm quyền trong nước, cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài là cơ quan có thẩm quyền tiến hành bảo hộ công dân. Đây là cơ quan đầu mối trực tiếp tiếp nhận và xử lý các thông tin về những trường hợp công dân Việt Nam cần bảo vệ, giúp đỡ ở nước ngoài.

Công tác bảo hộ công dân còn được cụ thể hóa trong một số văn bản pháp luật, như: Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài năm 2009; Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2006. Luật quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan và các vấn đề có liên quan để hỗ trợ cho người Việt Nam đi lao động tại nước ngoài như: việc đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ và giáo dục định hướng cho người lao động; Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước; chính sách đối với người lao động; quản lý nhà nước, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Luật Nuôi con nuôi năm 2010; Luật Hộ tịch

2014; Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về Chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự; Thông tư số 10/2014/TT-BGD&ĐT ngày 28 tháng 05 năm 2014 ban hành Quy chế quản lý công dân Việt Nam học tập ở nước ngoài được sửa đổi bởi Thông tư số 34/2017/TT-BGD&ĐT... Thẩm quyền và các biện pháp bảo hộ công dân được quy định tại Luật Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài năm 2009; bên cạnh các bộ ngành, Chính phủ cũng đưa ra những quyết sách bảo hộ quyền lợi chính đáng của người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Điều này là hoàn toàn phù hợp với các quy định mà Hiến pháp 2013 đã đặt ra [4, tr.141-142].

Theo thống kê của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, kể từ khi ban hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, số lượng người lao động đi làm việc ở nước ngoài hàng năm tăng đáng kể, trung bình mỗi năm có hơn 80 nghìn người đi làm việc ở nước ngoài. Đặc biệt, trong 5 năm gần đây, mỗi năm có trên 130.000 người xuất cảnh đi làm việc theo hợp đồng theo các kênh chính thức. Thông qua việc tiếp cận với máy móc và công nghệ tiên tiến, cơ chế quản lý hiện đại, tác phong công nghiệp, nâng cao trình độ kỹ năng nghề, nâng cao ngoại ngữ... người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã góp phần nâng cao thu nhập, đời sống của mình và gia đình, người dân, cải thiện chất lượng nguồn nhân lực. Tuy nhiên, bên cạnh những điểm tích cực đó, còn có những bất cập, tồn tại cần giải quyết. Sau hơn 13 năm thi hành, bên cạnh kết quả đạt được, thực tiễn áp dụng Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài năm 2006 đã bộc lộ một số tồn tại hạn chế, khó khăn trong hướng dẫn thi hành luật. Theo đó, một số quy định phát sinh vướng mắc, như: điều kiện cấp giấy phép hoạt động

dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài chưa chặt chẽ, chưa phù hợp với hoạt động thực tiễn; một số quy định của luật chưa bảo đảm đồng bộ với các luật mới được Quốc hội ban hành trong thời gian gần đây, như: Bộ luật Lao động năm 2019, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật Việc làm năm 2013, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Đầu tư năm 2014 [22]. Mặc dù số lượng lao động đi làm việc ở nước ngoài liên tục gia tăng, nhưng chất lượng lao động Việt Nam ở nước ngoài hiện vẫn còn thấp so với mặt bằng chung của các nước trong khu vực. Cùng với đó là những hạn chế về trình độ và ý thức người lao động; bên cạnh tình trạng phá hợp đồng, ở lại lưu trú bất hợp pháp, người lao động còn có thể đối mặt với việc bị lừa đảo, bóc lột và ngược đãi... Trong quá trình hội nhập quốc tế, Việt Nam đã tích cực tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Sự hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN cho phép tự do di chuyển trong khối ASEAN dẫn đến việc xuất hiện nhiều hình thức hợp tác, dịch chuyển lao động mới trong thời gian gần đây chưa được quy định trong luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Ngoài ra, còn kể đến sự biến động trong quá trình già hóa dân số, nói cách khác là Việt Nam bắt đầu bước vào thời kỳ chuyển từ dân số vàng sang dân số già, đồng nghĩa với việc không còn sự dồi dào về nguồn lao động như trước. Thực tiễn trên đặt ra các yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện một số quy định của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Chính vì vậy, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV, dự án

Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sửa đổi) được đưa vào chương trình nghị sự của Quốc hội và đã được Quốc hội thông qua tại kỳ họp tháng 11 năm 2020 [23]. Theo đó, Luật có hiệu lực từ ngày 1/1/2022. Luật đã bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân Việt Nam trong lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Bảo đảm bình đẳng giới, cơ hội việc làm, không phân biệt đối xử trong tuyển chọn, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ, giáo dục định hướng cho người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; có biện pháp hỗ trợ bảo vệ người lao động làm việc ở nước ngoài phù hợp với các đặc điểm về giới [23]...

3. Thực trạng bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam ở nước ngoài

3.1. Bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động Việt Nam ở nước ngoài

Trong hơn 500.000 lao động Việt Nam đang làm việc tại hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, có khoảng 300.000 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các tổ chức, doanh nghiệp xuất khẩu lao động hợp pháp, 100.000 lao động tự đi tìm việc ở nước ngoài thông qua du lịch rồi ở lại làm việc hoặc đi theo con đường khác. Trong năm 2019, Việt Nam có 147.387 lao động đi làm việc ở nước ngoài, trong đó, Nhật Bản tiếp nhận 80.002 lao động, Đài Loan tiếp nhận 54.480 lao động, Hàn Quốc tiếp nhận 7.215 lao động, Romania tiếp nhận 1.400 lao động [1, tr.2]...

Việc bảo hộ người lao động Việt Nam tại nước ngoài có hai nhóm đối tượng riêng biệt: thứ nhất, là công dân Việt Nam ra nước ngoài làm việc hợp pháp, theo hợp đồng lao động; thứ hai, là nhóm công dân Việt Nam lao động bất hợp pháp tại nước ngoài, ví dụ như đi du lịch, sang thăm người thân rồi trốn ở lại lao động tự do.

Đối với nhóm công nhân đi làm việc tại nước ngoài hợp pháp theo hợp đồng lao động, việc bảo hộ được giao cho Bộ chủ quản là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Hiệp định về lao động được ký kết giữa các bên. Trách nhiệm bảo hộ có sự tham gia của doanh nghiệp với người lao động; quy định trách nhiệm pháp lý đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng [3, tr.176]. Bên cạnh các biện pháp bảo hộ công dân nói chung, người lao động Việt Nam còn được hỗ trợ tài chính từ Quỹ hỗ trợ việc làm nước ngoài [6] như: (i) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nguồn lao động; (ii) Hỗ trợ cho người lao động trong các trường hợp rủi ro. Trong trường hợp người lao động đang làm việc ở nước ngoài bị thôi việc, mất việc do ảnh hưởng của dịch bệnh, theo quy định, người lao động sẽ được hoàn trả các khoản chi phí tiền môi giới, tiền dịch vụ và hỗ trợ từ nguồn kinh phí Quỹ hỗ trợ việc làm nước ngoài. Ngoài ra, người lao động đi làm việc ở nước ngoài trong một số trường hợp rủi ro khác quan khác sẽ được Quỹ hỗ trợ việc làm nước ngoài hỗ trợ với mức tối đa 5 triệu đồng/ trường hợp [13].

Đối với nhóm công dân Việt Nam ra nước ngoài làm việc bất hợp pháp, Nhà nước Việt Nam có chính sách nhất quán là thúc đẩy di cư hợp pháp, chống di cư trái phép, tạo điều kiện thuận lợi cho di cư trong nước và di cư quốc tế phù hợp với

quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước có người Việt Nam nhập cư. Do đó, về pháp luật lao động, rất khó có cơ sở và biện pháp để bảo vệ đối với nhóm người lao động này. Tuy nhiên, trong những trường hợp khẩn cấp hay khách quan như thiên tai, bệnh dịch... thì Nhà nước Việt Nam vẫn tiếp tục bảo hộ họ với tư cách là công dân Việt Nam. Có thể thấy rõ điều này thông qua các vụ việc bảo hộ công dân trên thực tiễn, điển hình là vụ việc 39 người Việt Nam tử nạn trên đường sang Anh lao động bất hợp pháp vào tháng 10/2019. Theo đó, ngay sau khi có thông tin về vụ 39 nạn nhân thiệt mạng trong xe tải tại hạt Essex (Anh), Bộ Ngoại giao đã nhanh chóng vào cuộc, kết hợp với Đại sứ quán Việt Nam tại Anh làm việc với các cơ quan nhà nước sở tại để nắm thông tin, hỗ trợ xác minh danh tính, đối chiếu sinh trắc học để xác minh danh tính nạn nhân. Sau khi xác định được 39 người thiệt mạng là công dân Việt Nam, Bộ Ngoại giao đã phối hợp với các cơ quan chức năng và địa phương Việt Nam và Anh hoàn tất việc đưa thi hài và tro cốt 39 nạn nhân về nước, bàn giao cho gia đình. Toàn bộ chi phí được Nhà nước ứng trước hỗ trợ đưa các nạn nhân về quê hương an toàn. Sau đó, sẽ phối hợp cùng các địa phương và thân nhân gia đình có nạn nhân giải quyết để hoàn trả lại chi phí tạm ứng [11], [12].

Có thể thấy, dù Nhà nước Việt Nam ngày càng đẩy mạnh nhiều biện pháp bảo hộ, tuy nhiên, hoạt động bảo hộ công dân đối với nhóm người lao động ra nước ngoài làm việc vẫn còn những tồn tại cần khắc phục. Điều này xuất phát từ nguyên nhân, phần lớn lao động di cư của Việt Nam là lao động phổ thông, trình độ ngoại ngữ kém, tay nghề chưa cao [3, tr.95]. Họ dễ rơi vào nhóm đối tượng bị tổn thương và bị rui

ro từ các công ty môi giới lao động như chịu phí môi giới quá cao, không được đào tạo về pháp luật, văn hóa của nước nhận lao động. Từ đó, người lao động không nắm được quyền lợi thực sự của mình và dễ rơi vào tình trạng vi phạm, không biết kêu gọi sự trợ giúp từ đâu.

3.2. Bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của ngư dân Việt Nam ở nước ngoài

Năm 2019 là năm ghi nhận số lượng vụ việc bảo hộ công dân tiếp tục tăng, trong đó 13.643 công dân, 1.760 ngư dân/ 206 tàu cá được bảo hộ, 961 ngư dân được giải quyết thủ tục, hỗ trợ về nước sau khi bị phía nước ngoài trục xuất; 36 tàu/ 408 ngư dân gặp nạn trên biển được hỗ trợ tránh trú bão hoặc được cứu nạn trên biển [18]. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn tình trạng các nước ven Biển Đông (Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan, Brunei...) áp dụng hình phạt tù đối với ngư dân Việt Nam. Dù, căn cứ Điều 73.3 Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 (UNCLOS): Các chế tài do quốc gia ven biển trừng phạt đối với những vi phạm luật và quy định về đánh cá trong vùng đặc quyền kinh tế không được bao gồm hình phạt tống giam, trừ khi các quốc gia hữu quan có thỏa thuận khác, và không bao gồm một hình phạt thân thể nào khác. Có thể dẫn chứng một vụ việc điển hình như:

Ngày 12/12/2017, Tòa án Ranai tỉnh Riau, Indonesia đã tuyên phạt 2 thuyền trưởng Cao Văn Hoàng và Hứa Minh Trung 5 tháng tù giam và tịch thu/ tiêu hủy tài sản hoặc đóng phạt 500 triệu Rupiah (tương đương 850-900 triệu VND) và 5 tháng tù giam khi cho rằng họ đánh bắt cá tại vùng đặc quyền kinh tế của Indonesia [14].

Trong quá trình này, Đại sứ quán Việt Nam tại Indonesia đã nhiều lần tiếp xúc với các cơ quan chức năng Indonesia, đề nghị xét xử công bằng với công dân Việt Nam theo đúng luật pháp quốc tế, trả tự do cho công dân Việt Nam và ngư cụ nếu không đủ bằng chứng kết án. Các ngư dân Việt Nam cho rằng, họ đánh bắt cá trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam và thiết bị định vị GPS của tàu trước khi bị lai dắt không được đưa ra làm chứng cứ trong phiên xét xử. Luật sư Chiristoper của ông Trung khẳng định, vị trí tàu định vị theo biên bản (được lập sau khi tàu bị lai dắt) nằm trong vùng chồng lấn vùng đặc quyền kinh tế giữa hai nước nên phía Indonesia không được đơn phương áp đặt ranh giới để thực thi quyền chủ quyền và quyền tài phán trong phạm vi vùng biển chồng lấn đó. Bên cạnh đó, Cục lãnh sự của Bộ Ngoại giao đã nhiều lần làm việc với Đại sứ quán Indonesia tại Hà Nội nhằm bảo hộ công dân dựa trên căn cứ pháp luật quốc tế và thỏa thuận liên quan.

Ngày 11/5/2019, cơ quan thực thi pháp luật trên biển Malaysia (MMEA) đã bắt giữ 2 tàu cá Việt Nam là KG 93918TS (5 ngư dân) và KG 91284TS (24 ngư dân) với cáo buộc họ đánh bắt trái phép trên vùng biển Kuching, Malaysia [15]. Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia đã đề nghị cơ quan chức năng Malaysia giải quyết thỏa đáng vụ việc, đối xử nhân đạo với các ngư dân. Người phát ngôn Bộ Ngoại giao nêu rõ, Việt Nam đã nhiều lần giao thiệp với phía Malaysia qua các kênh khác nhau về vấn đề này và đề nghị Bộ Biển và Nghề cá cũng như các lực lượng trên biển cần hành xử phù hợp với luật pháp quốc tế, nhất là UNCLOS 1982 và quan hệ song phương giữa hai nước...

3.3. Bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam ở nước ngoài trong các tình huống khủng hoảng

Tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, khó lường, các cuộc chiến tranh, xung đột, khủng bố, thiên tai, dịch bệnh diễn ra liên miên... Do vậy, xuất hiện nhiều tình huống khủng hoảng cần bảo hộ công dân như đảm bảo an toàn, sơ tán, đưa công dân về nước. Việt Nam đã làm rất tốt việc này, thực hiện rất hiệu quả một số chiến dịch sơ tán lao động Việt Nam từ Li Băng, Li Bi... về nước, hay mới nhất là bảo hộ công dân Việt Nam trong đại dịch Covid-19.

Để bảo hộ công dân trong những tình huống khủng hoảng, Việt Nam đã cùng phối hợp với các tổ chức quốc tế chuyên biệt (Tổ chức di dân trong vụ việc đưa lao động từ Li Bi, Li Băng về nước). Với vị trí là tổ chức quốc tế hàng đầu trong vấn đề người di cư, trong nhiều năm qua, Tổ chức di cư quốc tế (IOM) đã đi tiên phong trong việc kết nối hoạt động của các cơ quan, các tổ chức quốc tế chuyên môn khác, như: Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), Cao ủy Liên hợp quốc về người tị nạn (UNHCR) cũng như quốc gia sở tại trong việc phối hợp với quốc gia mà người nước ngoài là công dân trong những tình huống khẩn cấp... [8]. Có thể lấy ví dụ về hoạt động bảo hộ công dân của Việt Nam trong đại dịch Covid-19, các quốc gia đóng cửa biên giới, rất nhiều người Việt Nam tại nước ngoài không thể trở về nước, điều này đặt ra yêu cầu cụ thể đối với công tác bảo hộ công dân tại nước sở tại. Nhà nước tích cực đàm phán mở các chuyến bay đưa các công dân trở về nước. Từ đầu tháng 3/2020, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài phối hợp với các cơ quan chức năng

sở tại cũng như trong nước đã hỗ trợ gần 1.500 công dân Việt Nam trở về nước an toàn [9], [10], [20]. Trong quá trình tiếp nhận, ưu tiên nhóm người cao tuổi, ốm đau, trẻ em dưới 18 tuổi, đảm bảo cân đối nhu cầu trở về nước và phù hợp với năng lực cách ly tập trung ở trong nước. Đối với một số công dân Việt Nam đang gặp khó khăn về thị thực lưu trú tại nước ngoài do không tìm được các chuyến bay về nước, các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam đã và đang phối hợp chặt chẽ với các hãng hàng không quốc tế, các cơ quan chức năng sở tại để tháo gỡ các khó khăn về thị thực lưu trú, đảm bảo chăm sóc y tế, cung cấp nhu yếu phẩm cần thiết, hỗ trợ tìm kiếm, thu xếp các chuyến bay phù hợp để họ có thể về được Việt Nam. Riêng một số trường hợp người Việt Nam không có giấy tờ tùy thân và hợp đồng lao động hợp pháp ở nước ngoài sẽ cần tiến hành các thủ tục pháp lý với các cơ quan chức năng trong và ngoài nước để thẩm tra thân nhân và có phương án xử lý phù hợp [17]. Các cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước ngoài đã chủ động triển khai các hoạt động kịp thời như: thiết lập đường dây nóng về bảo hộ công dân để cung cấp thông tin và trợ giúp về giấy tờ, thủ tục cho công dân Việt Nam tại địa bàn; phối hợp với các Tổng Lãnh sự quán hỗ trợ các nhóm sinh viên, học sinh Việt Nam bị kẹt tại sân bay nước ngoài do các hãng hàng không hủy chuyến; đăng tải trên trang web của Đại sứ quán “Bộ Tài liệu Hỏi đáp nhanh dành riêng cho công dân Việt Nam về Covid-19”... [16]. Các cơ quan đại diện này cũng tìm kiếm và huy động thêm nhiều nguồn lực trong cộng đồng người Việt tại nước ngoài để hỗ trợ bộ phận du học sinh về tài chính, nhà ở... [17].

4. Giải pháp bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam ở nước ngoài

Thứ nhất, để bảo đảm thiết thực quyền và lợi ích hợp pháp của lao động cũng như công dân Việt Nam ở nước ngoài, các cơ quan chức năng trong nước cần phải phối hợp với cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài bảo hộ đối với quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; xử lý hành vi vi phạm của người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, cùng với việc tham gia các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã phê chuẩn và có kế hoạch phê chuẩn trong thời gian tới như: Công ước số 88, Công ước số 87, Công ước số 105 về Xóa bỏ lao động cưỡng bức, Hiệp định ASEAN về di chuyển thể nhân... Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sửa đổi) có hiệu lực sẽ giải quyết các vướng mắc, bất cập từ thực tiễn sau 13 năm thi hành, đáp ứng các yêu cầu thể chế hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 và bảo đảm sự đồng bộ của các luật mới ban hành.

Quốc hội cũng chú trọng vấn đề bảo vệ, hỗ trợ lao động Việt Nam khi làm việc ở nước ngoài trong xu thế dịch chuyển lao động quốc tế, lao động di cư và rủi ro, phức tạp khó lường như chiến tranh, suy thoái kinh tế toàn cầu, dịch bệnh, trong đó có đại dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp. Có thể nói, khi Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có hiệu lực, sẽ siết chặt thêm về các cơ chế điều kiện thủ tục, và khi vi phạm bị xử lý ở mức độ cao hơn, sẽ hạn chế tình trạng người lao động lâu nay bị cò mồi, dẫn đến

bị lừa gạt, thậm chí là tình trạng buôn người, cưỡng bức người lao động...

Để bảo đảm tốt hơn quyền lợi của người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, Luật yêu cầu doanh nghiệp dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng phải thực hiện các thủ tục, quy trình, từ tìm kiếm thị trường, đối tác, đàm phán hợp đồng, hỗ trợ người lao động trong quá trình làm việc ở nước ngoài trong tình huống xảy ra các rủi ro phát sinh.

Thứ ba, cơ quan quản lý nhà nước cần xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, kế hoạch về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tổ chức thực hiện và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; xúc tiến mở rộng, ổn định và phát triển thị trường lao động ngoài nước [23]...

Thứ tư, nâng cao hiệu quả thực thi các biện pháp bảo hộ công dân trên thực tế như: áp dụng khoa học kỹ thuật đảm bảo ngư dân khai thác thủy hải sản đúng vùng biển theo tiêu chuẩn, chất lượng quốc tế; đồng thời, tích cực hợp tác trên cơ sở hòa bình, phát triển với các quốc gia và các tổ chức quốc tế chuyên môn để thực hiện tốt công tác bảo hộ ngư dân.

Thứ năm, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh tại nhiều khu vực trên thế giới, với phương châm bảo hộ công dân chủ động, nhanh chóng, hiệu quả, Cục Lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài ưu tiên triển khai một số công việc cụ thể như sau: (i) Tiếp tục rà soát, cập nhật tình hình, số liệu công dân Việt Nam ở nước ngoài thông qua các kênh liên lạc hiệu quả hiện thời, đặc biệt là tập hợp, thống kê số người có nhu cầu về nước để kiến nghị biện pháp hỗ trợ phù hợp

với diễn biến của dịch bệnh tại các khu vực đó; (ii) Đẩy mạnh hợp tác với sở tại để kịp thời trao đổi, phối hợp thực hiện các biện pháp hỗ trợ công dân Việt Nam; (iii) Phân cấp mức độ ảnh hưởng, tính cấp thiết của vấn đề tại từng khu vực để đề xuất phương án đưa công dân về nước hợp lý, hiệu quả, đáp ứng nguyện vọng của người dân; (iv) Tiếp tục rút bài học kinh nghiệm trong đợt đưa công dân về nước vừa qua nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan có liên quan để công tác bảo hộ công dân luôn là điểm tựa cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài [24].

5. Kết luận

Bảo hộ công dân tại nước ngoài là trách nhiệm của Nhà nước. Những năm gần đây, công tác bảo hộ công dân đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, do bối cảnh của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, an ninh chính trị thế giới, cùng hoạt động lao động, cư trú phức tạp của công dân Việt Nam tại nước ngoài, chúng ta vẫn phải khắc phục những điểm hạn chế và triển khai đa dạng các biện pháp bảo hộ công dân. Trong đó, thực hiện nghiêm minh, đồng bộ các giải pháp trên đây sẽ góp phần quan trọng vào việc bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam ở nước ngoài.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2020), *Báo cáo tổng kết thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Đăng Dung, Phạm Hồng Thái, Vũ Công Giao (2011), *Lao động di trú trong*

- Pháp luật quốc tế và Việt Nam*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
- [3] Trần Thúy Hằng (2016), *Vấn đề bảo hộ người lao động Việt Nam ở nước ngoài - Một số vụ việc thực tiễn và bình luận*, tham luận tại Hội thảo khoa học “Các vấn đề pháp lý và thực tiễn về bảo hộ công dân trong bối cảnh quốc tế hiện nay”, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
- [4] Đỗ Quý Hoàng (2016), *Hoàn thiện cơ sở pháp lý của hoạt động bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài*, tham luận tại Hội thảo khoa học “Các vấn đề pháp lý và thực tiễn về bảo hộ công dân trong bối cảnh quốc tế hiện nay”, Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Thu Hương (2017), Báo cáo đề tài cơ sở “Bảo hộ ngư dân Việt Nam ở Biển Đông”, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội.
- [6] Thủ tướng Chính phủ (2007), *Quyết định số 144/2007/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2007, Thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước*, Hà Nội.
- [7] Mạc Thị Hoài Thương, Trần Thị Thu Thủy (2016), *Thẩm quyền và biện pháp bảo hộ công dân theo quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam*, tham luận tại Hội thảo khoa học “Các vấn đề pháp lý và thực tiễn về bảo hộ công dân trong bối cảnh quốc tế hiện nay”, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
- [8] *IOM Daily Statistical Report*, 31 January 2012.
- [9] <http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/nr170314091518/ns200415122009>, truy cập ngày 10/4/2020.
- [10] <http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/nr170314091518/ns200418100225>, truy cập ngày 20/4/2020.
- [11] <https://baoquoc.vn/bo-ngoai-giao-hoan-tat-viec-dua-thi-hai-va-tro-cot-39-nan-nhan-ve-nuoc-105332.html>, truy cập ngày 20/4/2020.
- [12] <https://baoquoc.vn/bo-ngoai-giao-phoi-hop-dua-16-thi-hai-va-di-hai-ve-toi-san-bay-noi-bai-105181.html>, truy cập ngày 20/4/2020.
- [13] <https://baodantoc.vn/ho-tro-lao-dong-lam-viec-o-nuoc-ngoai-ve-nuoc-vi-gap-rui-ro-nang-dinh-muc-la-phu-hop-1592538509018.htm>, truy cập ngày 20/07/2020.
- [14] <https://thanhnien.vn/thoi-su/toa-indonesia-xet-xu-ngu-dan-viet-bi-cau-de-nghi-co-dai-dien-dai-su-quan-vn-909074.html>, truy cập ngày 10/4/2020.
- [15] <https://baoquoc.vn/viet-nam-de-nghi-malaysia-giai-quyet-thoa-dang-viec-bat-giu-ngu-dan-94245.html>, truy cập ngày 20/4/2020.
- [16] <https://baoquoc.vn/bao-ho-cong-dan-trong-dich-covid-19-tich-cuc-khan-truong-va-chu-dao-112739.html>, truy cập ngày 10/4/2020.
- [17] <https://baoquoc.vn/bo-ngoai-giao-gan-1500-cong-dan-viet-nam-bi-mac-ket-tro-ve-nuoc-an-toan-113310.html>, truy cập ngày 20/4/2020.
- [18] <https://laodong.vn/thoi-su/the-gioi-nam-2019-duoi-goc-nhin-bao-ho-cong-dan-776135.laod>, truy cập ngày 20/3/2020.
- [19] <https://baoquoc.vn/bo-ngoai-giao-khuyen-cao-cong-dan-ve-dich-covid-19-trong-tinh-hinh-moi-111381.html>, truy cập ngày 10/4/2020.
- [20] <https://ncov.moh.gov.vn/-/san-bay-noi-bai-tiep-tuc-on-hon-1-100-khach-en-tu-vung-dich-covid-19>, truy cập ngày 22/3/2020.
- [21] <https://vnembassy-singapore.mofa.gov.vn/vi-vn/Consular%20Services/Protection%20of%20Citizens/News/Trang/Qu%C3%A1n-tri%E1%BB%87t-ph%C6%B0%C6%A1ng-ch%C3%A2m-ch%E1%BB%A7-%C4%91%E1%BB%99ng,-k%E1%BB%8Bp-th%E1%BB%9Di,-nhanh-ch%C3%B3ng,-hi%E1%BB%87u-qu%E1%BA%A3-.aspx>, truy cập ngày 22/3/2020.
- [22] <https://nhandan.com.vn/nguoi-viet-xa-xu/bao-ve-hieu-qua-quyen-loi-ich-hop-phap-cua-cong-dan-di-lam-viec-o-nuoc-ngoai-455578/>, truy cập ngày 22/3/2020.
- [23] <http://tuyengiao.vn/van-hoa-xa-hoi/xa-hoi/bao-dam-quyen-va-loi-ich-hop-phap-cua-lao-dong-viet-nam-o-nuoc-ngoai-130396>, truy cập ngày 22/3/2020.
- [24] <http://baochinhphu.vn/Doi-song/Khong-co-gioi-han-ve-dia-ban-nong-trong-bao-ho-cong-dan/394566.vgp>, truy cập ngày 10/4/2020.

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI
VIỆT NAM

Số: 14 /TB-TCKHXHVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc thu hồi và hủy bài đăng tải trên Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam

Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam ra thông báo:

Thu hồi và hủy bài viết: “*Tổ chức chính quyền địa phương: kinh nghiệm thế giới và hàm ý đối với CHDCND Lào*” của tác giả Bounkham Phonmany, đăng trên Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam số 12 năm 2020, tr.124 -134.

Lý do thu hồi, hủy bài: Bài viết còn những điểm chưa chuẩn xác về học thuật và trích dẫn tài liệu tham khảo chưa chú nguồn.

Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam thông báo để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết và thực hiện.

Trân trọng thông báo./.

TỔNG BIÊN TẬP
(đã ký)

Trần Tuấn Phong